TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày: 24-05-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Mậu.

2. Ông Nguyễn Công Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 05 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 05 năm 2024; đối với bị cáo :

Trịnh Văn D, sinh năm 1999; tại tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Nhân Trạch, xã Yên Thắng, huyện Y Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Th (Đã chết) và bà Ngô Thị L, sinh năm 1970, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự : Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 38 ngày 29-01-2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Nam Định. “Có mặt”.

- Bị hại: Ông Trần Khắc N, sinh năm 1964 (Đã chết).

Nơi cư trú: Tổ dân phố Non Côi, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Trần Thị Th, sinh năm 1968. (Là vợ của ông Trần Khắc N) “vắng mặt".

+ Anh Trần Khắc Ph (Là con trai của ông Trần Khắc N) "vắng mặt".

+ Chị Trần Thị Ngọc A (Là con gái của ông Trần Khắc N) "vắng mặt".

Đều cư trú tại: Tổ dân phố Non Côi, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Khắc Ph và chị Trần Thị Ngọc A là: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ dân phố Non Côi, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định "vắng mặt".

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10-01-2024).

- *Những người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Anh Nguyễn Tùng L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn Tân Thịnh, xã Yên Thắng, huyện Y Y, tỉnh Nam Định "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 02-12-2023, Trịnh Văn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 18D1-802.59 đi từ khu Công nghiệp Bảo Minh đến ăn cỗ đám cưới bạn làm cùng công ty ở thôn Quảng Cư, xã Tam Thanh, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình ngồi ăn cỗ, D có uống khoảng 7 đến 8 chén rượu nhỏ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì D điều khiển xe mô tô của mình chở Nguyễn Tùng Lâm (Bạn cùng công ty với D), đi theo hướng Quốc lộ 10 về huyện Y Y để về nhà. Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, khi đi đến km số 123+100 quốc lộ 10 thuộc địa phận thị trấn Gôi, huyện V, tỉnh Nam Định, D điều khiển xe mô tô với tốc độ trên 60km/h (Theo lời khai của D). Cùng lúc này, ông Trần Khắc N điều khiển xe mô tô BKS 18C1-165.92 đi phía trước, cùng chiều và cách đầu xe của D khoảng 10m, xe mô tô của ông N đang bật tín hiệu xi nhan để rẽ trái sang đường. Do không chú ý quan sát, điều khiển xe mô tô với tốc độ cao nên khi phát hiện thấy ông N đang chuyển hướng sang đường thì D đã không kịp xử lý gì và điều khiển xe mô tô xô thẳng vào gá để chân người ngồi sau bên trái của xe mô tô do ông N điều khiển, gây ra vụ tai nạn giao thông. Hậu quả ông N bị thương nặng được đưa đi bệnh viện cấp cứu, đến 02 giờ ngày 03-12-2023 thì tử vong; D và Lâm bị thương, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Sau khi tai nạn xảy ra, vào lúc 23 giờ 22 phút ngày 02-12-2023, Phòng CSGT Công an tỉnh Nam Định đã dùng máy đo nồng độ còn có số ID 862204, hiệu chỉnh gần nhất vào ngày 06-6-2023 để kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của D, kết quả: Nồng độ cồn trong hơi thở của Trịnh Văn D là 0,177mg/L.

Tại Bản kết luận giám định số 1772 ngày 20-12-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Nam Định, đã kết luận: Mẫu chất màu đen bám dính tại gá để chân người ngồi sau bên chân chống phụ (bên trái) xe mô tô BKS 18C1-165.92 được niêm phong ký hiệu A gửi giám định có thành phần của cao su, không đủ cơ sở để kết luận là cùng loại hay không cùng loại với mẫu cao su thu tại lốp bánh trước xe mô tô BKS 18D1-802.59 được niêm phong ký hiệu M2 gửi làm mẫu so sánh. Mẫu chất màu xanh bám dính tại gá để chân người ngồi sau bên chân chống phụ (bên trái) xe mô tô BKS 18C1-165.92 được niêm phong ký hiệu là A gửi giám định không đủ yếu tố giám định do lượng mẫu quá ít và dính nhiều tạp chất.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 1724 ngày 22-12-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Nam Định, đã kết luận: Nạn nhân Trần Khắc N chết do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ. Cơ chế: vùng đầu do va đập.

Tại Bản kết luận giám định độc chất số 096/KL GĐĐC-TTPY ngày 18-12 2023 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Ninh Bình đã kết luận: Mẫu máu của Trần Khắc N không tìm thấy nồng độ cồn (Ethanol) trong máu: C=0,00 mg/100ml.

Tại Bản kết luận giám định độc chất số 097/KLGĐĐC-TTPY ngày 18-12-2023 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Ninh Bình đã kết luận: Mẫu máu của Trịnh Văn D không tìm thấy nồng độ cồn (Ethanol) trong máu: C=0,00 mg/100ml. (Mẫu máu của D được lấy để gửi đi giám định vào thời gian 9 giờ ngày 03-12-2023).

Tại Bản kết luận Định giá tài sản số 49 ngày 06-02-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V đã kết luận: Giá trị thiệt hại của xe mô tô BKS 18D1-802.59 là 4.320.000 đồng.

Tại Bản kết luận Định giá tài sản số 50 ngày 06-02-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V đã kết luận: Giá trị thiệt hại của xe mô tô BKS 18C1-165.92 là 3.680.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, Trịnh Văn D đã bồi thường cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Bà Trần Thị Th (Là vợ của ông N) đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSVB ngày 07-5-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố Trịnh Văn D về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo D đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu ở trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn D phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn D từ 33 (Ba mươi ba) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách đến 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình người bị hại đã thỏa thuận xong với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Nay gia đình bị hại không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự : Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) niêm phong số 1772/KL-KTHS bên trong đựng đối tượng giám định hoàn lại trong vụ việc.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông; Bản kết luận giám định pháp y tử thi của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; Phiếu đo nồng độ cồn ngày 02-12-2023 của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nam Định; Kết luận độc chất của Trung tâm pháp y - Sở y tế Ninh Bình; Lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại và lời khai của người làm chứng tại cơ quan điều tra; các biên bản điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 02-12-2023, Trịnh Văn D có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 18D1-802.59, có dung tích xi lanh là 155,1 cm^3 chở bạn là anh Nguyễn Tùng Lâm đi trên quốc lộ 10 theo hướng từ khu công nghiệp Bảo Minh, huyện V về huyện Ý Yên. Khi đi đến km số 123+100 quốc lộ 10, thuộc địa phận thị trân Gôi, huyện V, tỉnh Nam Định, là đoạn đường nằm trong khu vực đông dân cư nhưng bị cáo D đã không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn và điều khiển xe mô tô mà trong hơi thở có nồng độ cồn nên D đã điều khiển xe mô tô của mình xô vào xe mô tô BKS 18C1-165.92 do ông Trần Khắc N điều khiển phía trước, đang xi nhan để rẽ

trái sang đường, gây tai nạn. Hậu quả làm ông N tử vong còn D và Lâm bị thương, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Hành vi như đã nêu trên của bị cáo Trịnh Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự an toàn và hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng khi tham gia giao thông, bị cáo lại không chấp hành đúng quy tắc giao thông đường bộ nên đã vô ý gây ra vụ tai nạn giao thông, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy cần xử lý nghiêm trước pháp luật và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần phải xem xét về nhân thân,các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự gì.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; bị hại cũng có một phần lỗi; gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[41. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Nhưng xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo được nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được. Do đó áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo D.

[5]. Về bồi thường thiệt hại: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường thiệt hại và cho đến nay cũng không có ai có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường. Nên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với mẫu hoàn lại sau giám định trong niêm phong số 1772 là vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn D phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Y Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) niêm phong số 1772/KL-KTHS bên trong đựng đối tượng giám định hoàn lại trong vụ việc (Theo Kết luận giám định số 1772/KL -KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định).

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20-05-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trịnh Văn D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện,tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PV 27 CA tỉnh NĐ;
- UBND xã Yên Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án ;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiển